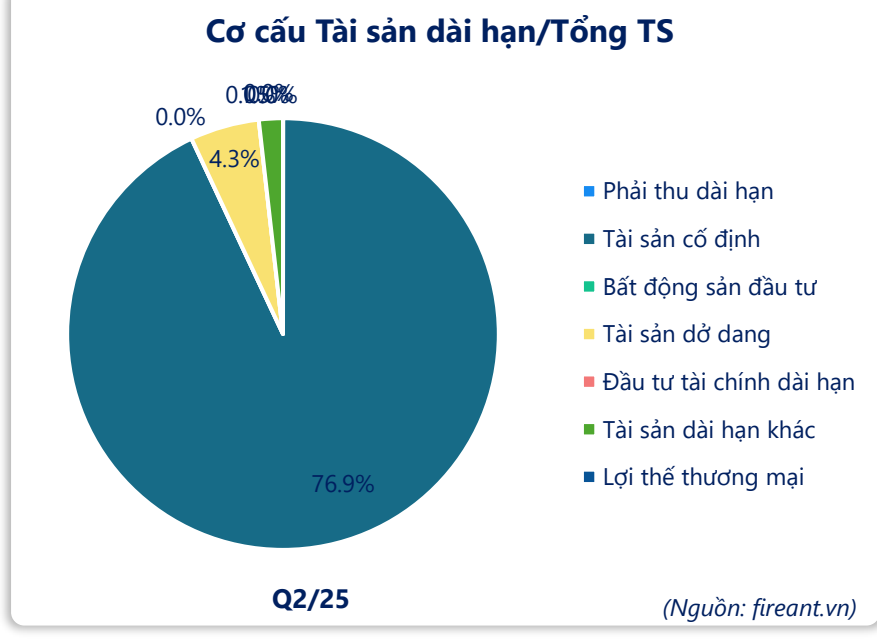
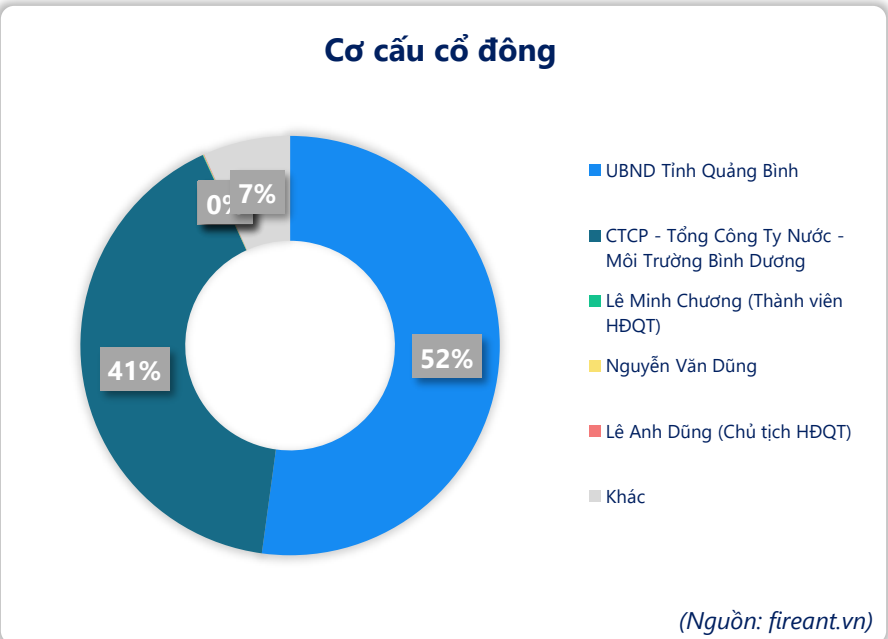
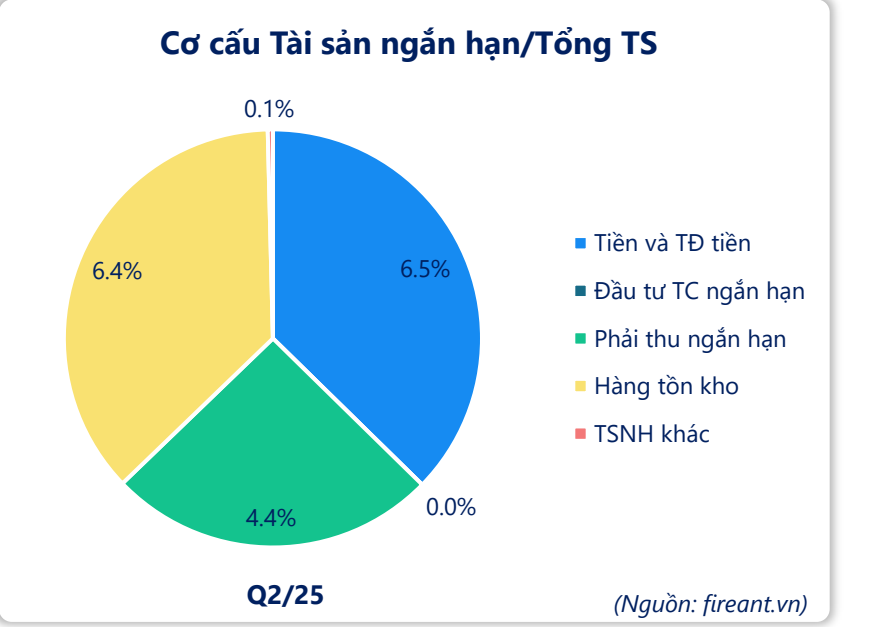
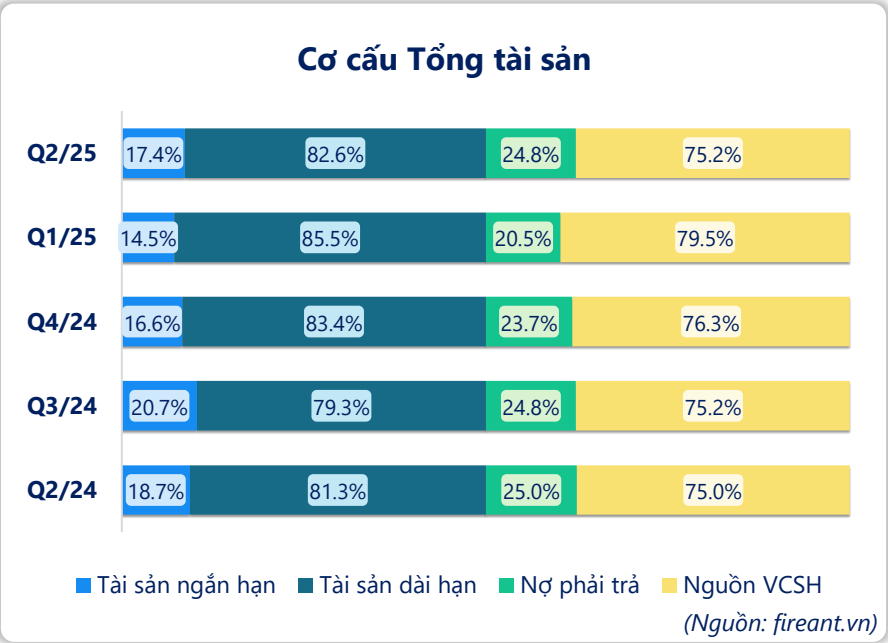
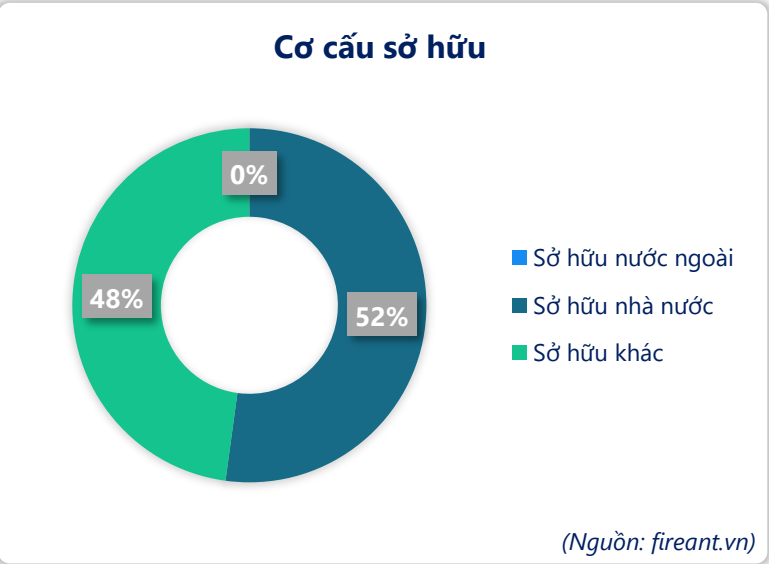
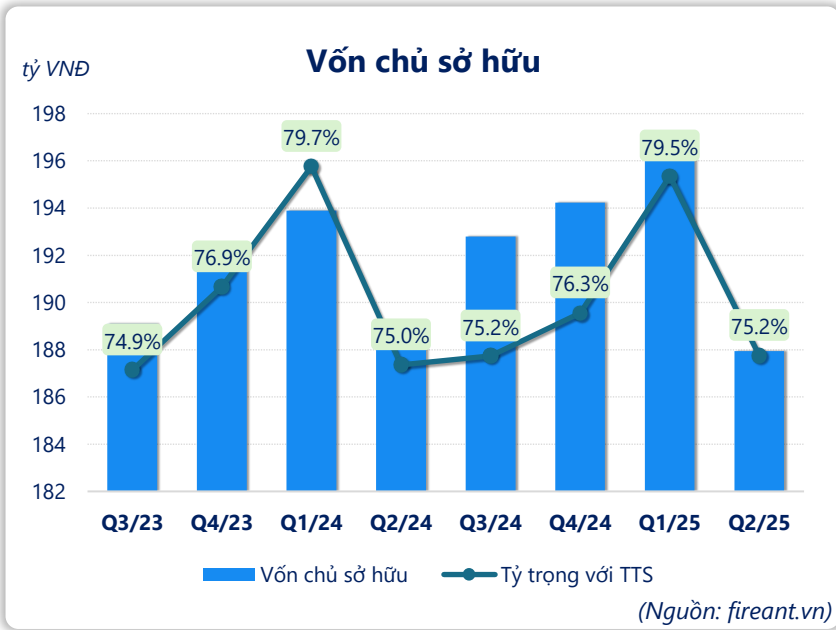
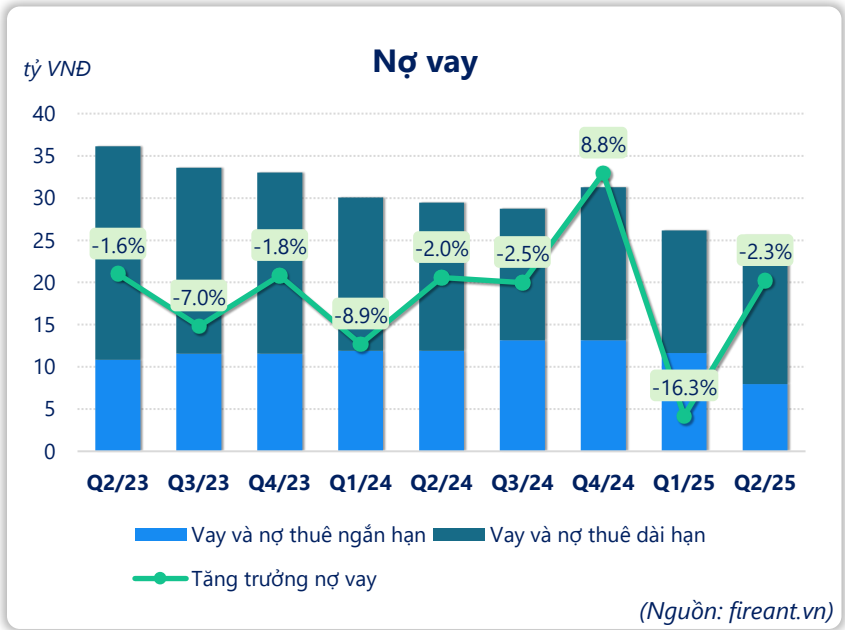
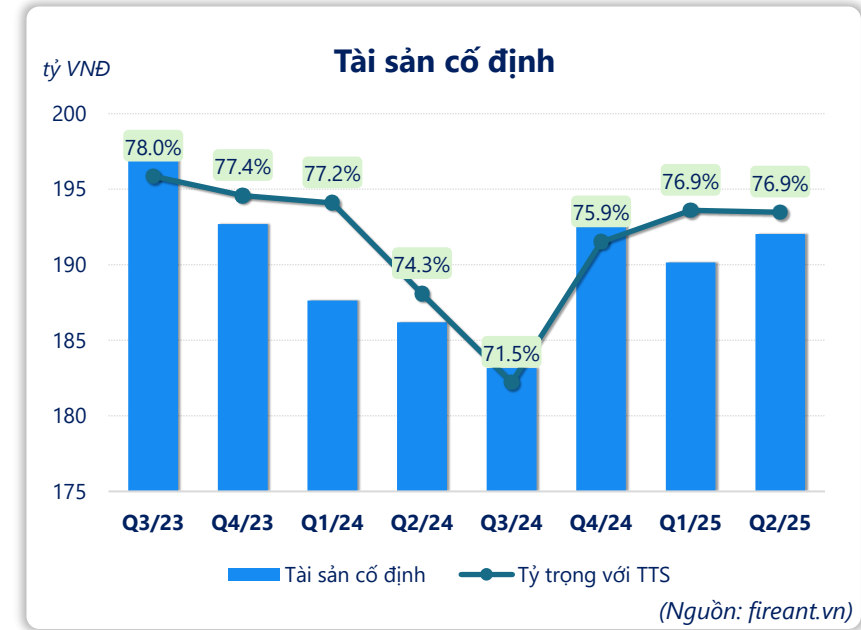
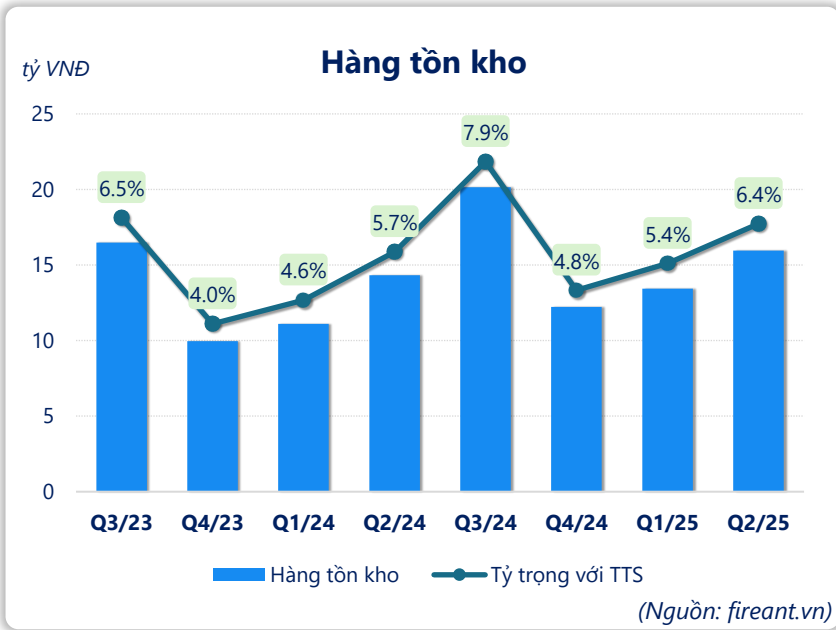
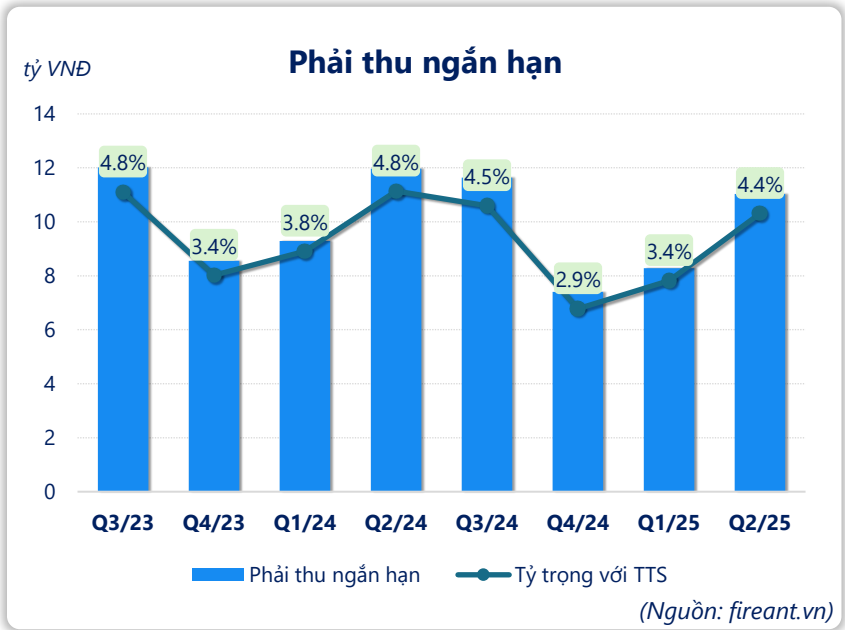
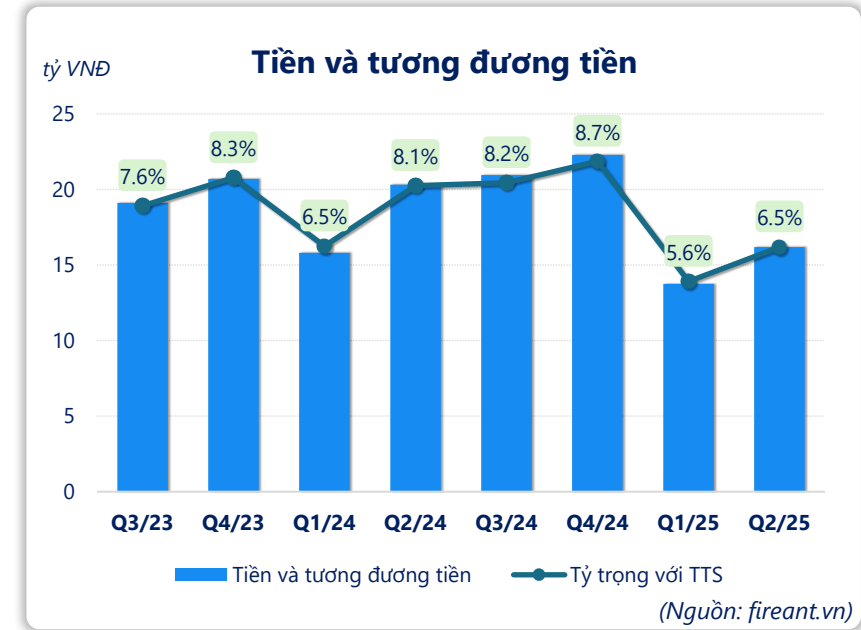
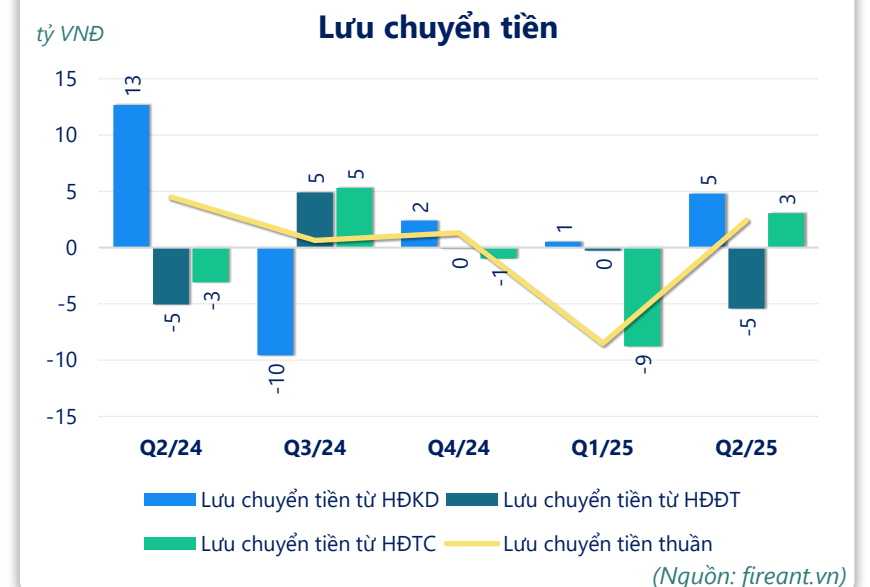
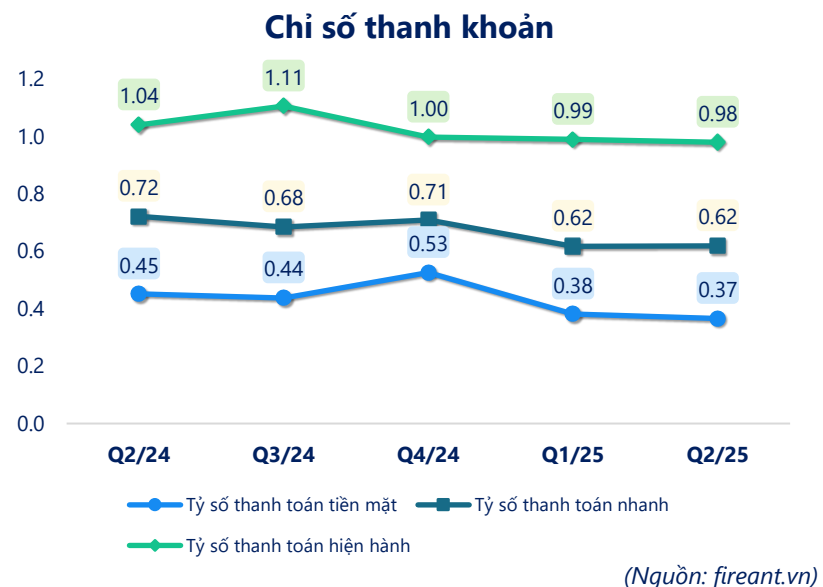
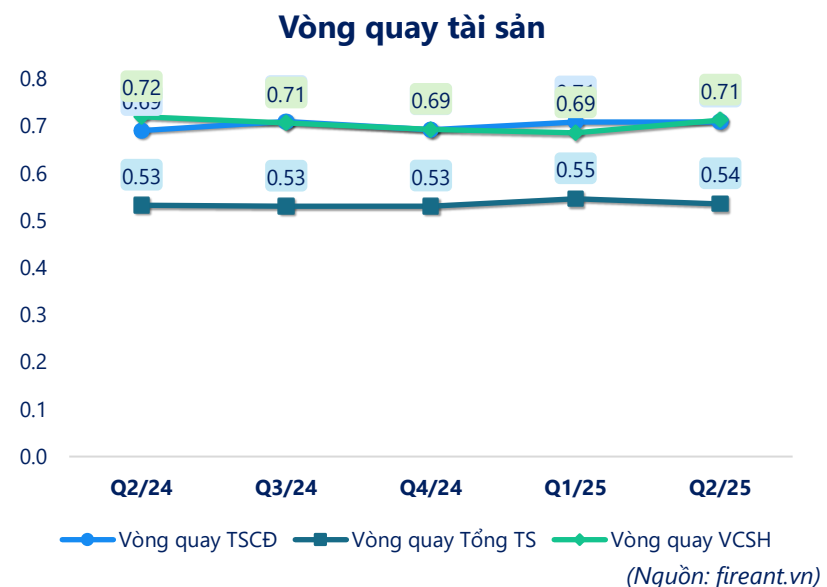
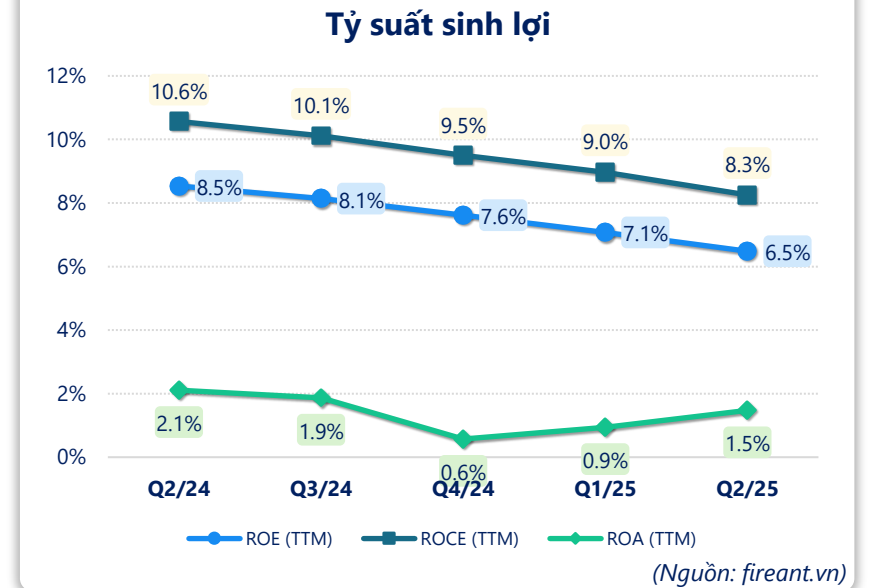
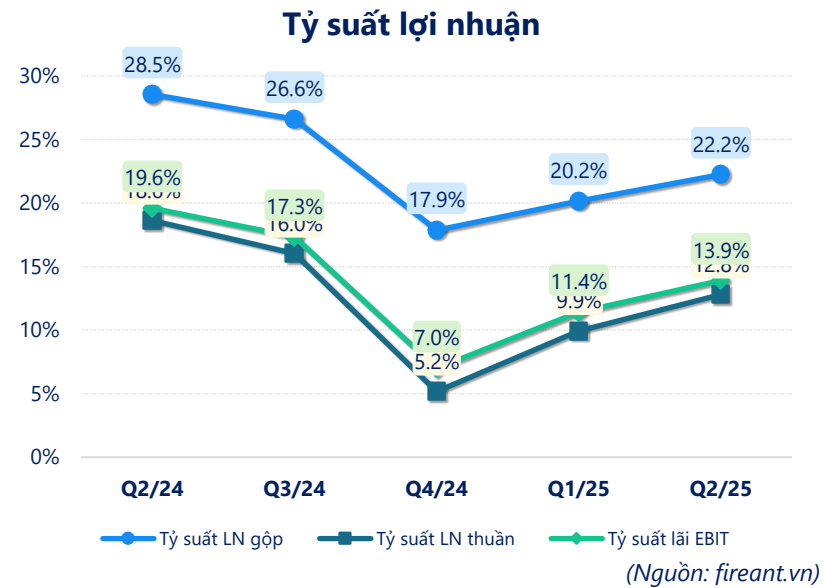
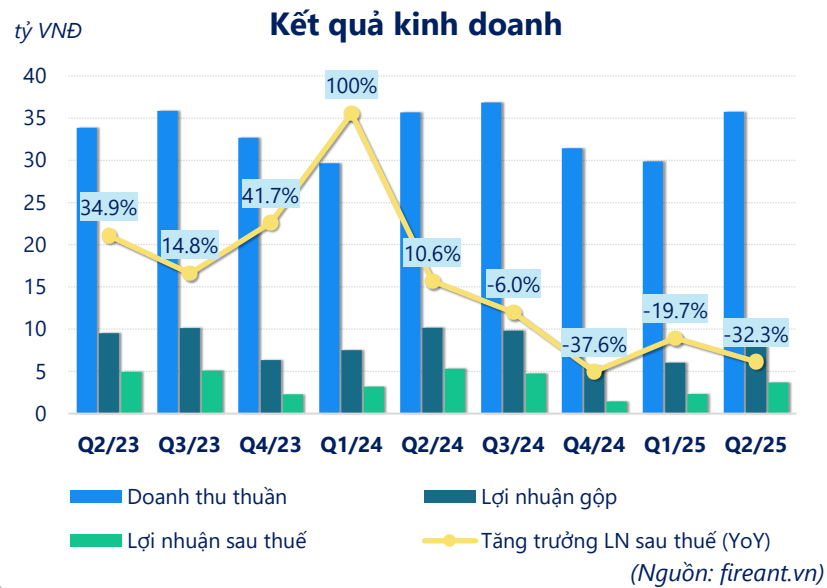


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,255
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,600
SL cổ phiếu LH		17,230,204
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		138
P/E		11.3
EPS		707

	YTD	1T	3T	6T
NQB	5.3%	5.3%	5.3%	5.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	250	255	-1.9%
Tài sản ngắn hạn	43.3	42.3	2.6%
Tiền và tương đương tiền	16.2	22.3	-27.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	11.0	7.44	48.3%
Hàng tồn kho	16.0	12.2	30.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.35	-50.5%
Tài sản dài hạn	206	212	-2.8%
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	192	193	-0.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.7	14.5	-26.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.70	4.58	-19.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	61.9	60.5	2.2%
Nợ ngắn hạn	44.3	42.7	3.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.98	13.4	-40.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.3	9.29	21.9%
Nợ dài hạn	17.6	17.8	-1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	17.6	17.8	-1.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	188	194	-3.2%
Vốn chủ sở hữu	188	194	-3.2%
Vốn điều lệ	172	172	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	35.7	36.9	31.4	29.9	35.8
Giá vốn hàng bán	25.5	27.1	25.8	23.9	27.8
Lợi nhuận gộp	10.2	9.81	5.61	6.03	7.95
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Chi phí TC	0.31	0.44	0.39	0.45	0.36
Chi phí lãi vay	0.31	0.44	0.39	0.45	0.36
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.84	0.96	1.53	0.82	1.30
Chi phí QLDN	2.39	2.52	2.08	1.79	1.72
LN thuần từ HĐKD	6.64	5.90	1.62	2.97	4.58
Lợi nhuận khác	0.03	0.04	0.18	-0.01	0.03
LN trước thuế	6.67	5.95	1.81	2.96	4.61
Lợi nhuận sau thuế	5.30	4.75	1.44	2.31	3.68
LNST của CĐ cty mẹ	5.30	4.75	1.44	2.31	3.68

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.7	-9.56	2.41	0.52	4.79
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.06	4.92	-0.09	-0.26	-5.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.10	5.29	-0.99	-8.78	3.07
Tiền đầu kỳ	15.8	20.3	21.0	22.3	13.8
Lưu chuyển tiền thuần	4.50	0.64	1.32	-8.52	2.43
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.3	21.0	22.3	13.8	16.2

(Nguồn: fireant.vn)